

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 07-01-2022

*V/v yêu cầu không công nhận
là vợ chồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quang Yên

Ông Trần Anh Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2021 về việc tranh chấp yêu cầu không công nhận là vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Nguyệt L**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu 01, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hồng H** – sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu 01, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L có mặt, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Nguyệt L trình bày:

Chị và bị đơn là anh Nguyễn Hồng H chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn. Hai bên gia đình chỉ tổ chức lễ cưới, do khi đó chị không đủ tuổi đăng ký kết hôn. Đến khi đủ tuổi anh chị cũng không đăng ký. Sau khi cưới, anh chị chung sống với nhau tại xã Bằng Doãn đến năm 1995 thì chuyển về sinh sống tại xã P. Quá trình chung sống, hai bên hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã, đánh đập, tình cảm vợ chồng không còn. Hai bên sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không thể chung

sống cùng anh H nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh H là vợ chồng.

Bị đơn anh H xác nhận về thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày là đúng. Anh và chị L chung sống với nhau từ năm 1991, chỉ tổ chức lễ cưới, không có đăng lý kết hôn. Quá trình chung sống, hai bên hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi, không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay anh cũng xác định tình cảm với chị L không còn nên đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị L là vợ chồng.

- Về con chung: Chị L và anh H xác nhận có 03 con chung là: Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1992; Nguyễn Thanh B, sinh ngày 01/5/2003 và Nguyễn Hồng N sinh ngày 08/01/2011. Cháu N đang ở cùng chị L. Cháu T và cháu B đều đã trưởng thành nên chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng. Phía anh H cũng nhất trí, không có ý kiến gì khác.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Không công nhận chị Trần Nguyệt L và anh Nguyễn Hồng H là vợ chồng.

- Về con chung: Cháu Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1992 và Nguyễn Thanh B, sinh ngày 01/5/2003 đều đã trưởng thành nên không phải giải quyết. Giao cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồng N sinh ngày 08/01/2011. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L và anh H không yêu cầu nên không phải Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Trần Nguyệt L cư trú tại khu 01, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng với bị đơn là anh Nguyễn Hồng H cư trú ở cùng địa chỉ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình xét xử, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật này và pháp luật về hộ tịch”

Chị Trần Nguyệt L và anh Nguyễn Hồng H chung sống với nhau từ năm 1991 cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, hai bên hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn. Hai bên sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định không thể chung sống cùng nhau nữa đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị L và anh H là vợ chồng.

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Bằng Doãn nơi chị L và anh H chung sống với nhau từ năm 1991 đến năm 1995 xác nhận: Qua rà soát, kiểm tra sổ lưu trữ tại địa phương. Từ năm 2002 trở về trước UBND xã không còn lưu trữ về sổ đăng ký kết hôn nên không có căn cứ để xác nhận việc chị L và anh H có đăng ký kết hôn hay không. Ủy ban nhân dân xã Phúc Lai xác nhận: Từ năm 1996 đến nay, chị L và anh H chung sống với nhau ở địa phương nhưng không đăng ký kết hôn.

Xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị hiện đã rạn nứt, mỗi người một nơi.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận chị L và anh H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Anh chị xác nhận có 03 con chung là cháu Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1992; cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 01/5/2003 và cháu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 08/01/2011. Hiện cháu N đang ở cùng chị L. Cháu T và cháu B đã trưởng thành nên chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L và anh H thỏa thuận: Chị L là người tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L. Sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu N là muốn ở cùng mẹ nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát

nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử: Tuyên bố không công nhận chị Trần Nguyệt L và anh Nguyễn Hồng H là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1992 và Nguyễn Thanh B, sinh ngày 01/5/2003 đều đã trưởng thành nên không phải giải quyết. Giao cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồng N sinh ngày 08/01/2011. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị L. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không phải giải quyết.

4- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Nguyệt L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2020/0003998 ngày 05/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị L đã nộp đủ án phí.

Chị L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS ND huyện Đoan Hùng;
- VKS ND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án DS huyện;
- UBND xã Phúc L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Viết Anh